TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1420/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1083/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp: "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2018/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Quảng Công, Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Trần Minh K, sinh năm: 1987

Địa chỉ: A đường số B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị L xác định: Bà và ông Nguyễn Trần Minh K chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2017. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về mọi mặt. Ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái nhưng không được. Cả hai đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn. Thời gian chung sống ông bà có con chung tên Nguyễn Cát An N, sinh ngày 19/8/2017. Bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nợ chung xác định không có.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Trần Minh K xác định: thống nhất và đồng ý với toàn bộ nội dung trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

* Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

- Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà L, ông K (bản sao);

- Trích lục khai sinh; Trích lục chứng nhận kết hôn.

* Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai;

* Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu "Ly hôn" với ông Nguyễn Trần Minh K. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông K cư trú tại quận Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do các đương sự cùng có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu không hòa giải đoàn tụ nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 208 và khoản 1 Điều Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông K.

[2]Về nội dung:

Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Trần Minh K chung sống với nhau năm 2017 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 do Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/3/2017 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại Tòa, ông K cũng thống nhất với nội dung trình bày của bà L. Có cơ sở xác định quá trình chung sống giữa hai ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế ông bà đã ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, bản thân ông K cũng đồng ý ly hôn. Do đó yêu cầu của bà L về việc xin ly hôn là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Có cơ sở xác định ông bà có con chung tên Nguyễn Cát An N, sinh ngày 19/8/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của ông bà về việc giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ghi nhận lời trình bày của các bên là tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51; 55; 56; 57; 58; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116 và 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Trần Minh K.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Cát An N, sinh ngày 19/8/2017 cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trần Minh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi. Việc thực hiện từ tháng 12/2018 bắt đầu vào ngày 15 hàng tháng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất chậm thi hành án quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

2-/ Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm

nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022710 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

Ông Nguyễn Trần Minh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3-/ Về quyền kháng cáo: Bị đơn, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Toà án ND TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng